

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST.
Ngày 12/8/2026.
*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Kiên.

Ông Kiên Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2026/TLST-HNGĐ, ngày 10/4/2026, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2026/QĐXXST-HN, ngày 27/7/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh ngày 31/8/1992. Địa chỉ: Ấp L, xã A, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp S (nay là ấp V), xã C, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết xét xử vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh N xác lập hôn nhân năm 2011 và có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2018 tại UBND xã M (nay là xã C), tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Chị và anh N có quen nhau khoảng 02 năm rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nữ trang cưới

bán hết không còn. Năm 2011 chị về làm dâu bên chồng sống khoảng 01 năm, do môi trường sống không hợp nên chị cùng con đi về nhà mẹ ruột sống, sau đó chị và anh N cùng đi làm thuê tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh), thuê nhà trọ sống đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng, lối sống, ứng xử giao tiếp và tình cảm, vợ chồng có lời nói luôn bất hòa với nhau, mỗi lần anh N uống rượu về làm kiếm chuyện chửi xúc phạm chị rất nhiều lần, anh ghen tuông, nghi kỵ đủ điều, dẫn đến cự cãi gây gỗ với nhau, từ đó mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2025 cho đến nay, không hàn gắn được, tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- *Về nuôi con tên:* Lê Quốc C, sinh ngày 04/3/2012 và Lê Thị Ngọc N1, sinh ngày 31/3/2019. Chị xin được quyền nuôi dưỡng 02 con khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung của vợ chồng, số nợ phải thu, số nợ phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, bị đơn anh Lê Văn N vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- Chị L và anh N xác lập hôn nhân năm 2011 và có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2018 tại UBND xã M (nay là xã C), tỉnh Vĩnh Long.

- Chị L và anh N có 02 người con chung tên Lê Quốc C, sinh ngày 04/3/2012 và Lê Thị Ngọc N1, sinh ngày 31/3/2019, hai con đang sống với mẹ.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung của vợ chồng, số nợ phải thu, số nợ phải trả: Chị L và anh N không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về thời gian vợ chồng sống ly thân: Chị L và anh N xác định sống ly thân từ tháng 11 năm 2025 cho đến nay.

Những tình tiết các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau: Chị L xin ly hôn với anh N, còn anh N xin đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh N, giao 02 người con cho chị L nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, số nợ phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không giải quyết. Buộc chị L nộp án phí hôn nhân theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Lê Văn N là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh N vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh N, chị xin được quyền nuôi dưỡng 02 người con khi ly hôn, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị L và anh N xác lập hôn nhân năm 2011 và có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2018 tại UBND xã M (nay là xã C), tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị Lê Thị L khai: Năm 2011 chị về làm dâu bên chồng sống khoảng 01 năm, do môi trường sống không hợp nên chị cùng con đi về nhà mẹ ruột sống, sau đó chị và anh N cùng đi làm thuê tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh), thuê nhà trọ sống đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng, lối sống, ứng xử giao tiếp và tình cảm, vợ chồng có lời nói luôn bất hòa với nhau, mỗi lần anh N uống rượu về nhà là kiểm chuyện chửi xúc phạm chị rất nhiều lần, anh ghen tuông, nghi kỵ đủ điều, dẫn đến cự cãi gây gổ với nhau, từ đó mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2025 cho đến nay, không hàn gắn được, tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- *Đối với anh Lê Văn N*: Tại phiên hòa giải ngày 05/5/2026 anh N có mặt trình bày năm 2011 chị L về làm dâu khoảng 01 năm, do mâu thuẫn gia đình bên chồng, sống không được nên chị L cùng con đi về nhà mẹ ruột sống hơn 03 tháng, anh cùng chị L đi đến tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) thuê nhà trọ sống, làm thuê Công ty, quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn về lối sống, ứng xử giao tiếp và tình cảm, nhưng vẫn bỏ qua, đến đầu năm 2025, do trong người có uống rượu, anh có lời nói bất hòa, xúc phạm chị L, không có tiếng nói chung, dẫn đến cự cãi gây gổ nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2025 cho đến nay, nay anh xét thấy còn thương vợ, con và xin đoàn tụ, không đồng ý ly hôn, trường hợp chị L cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu xét xử theo quy định pháp luật.

Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về tình nghĩa vợ chồng “ 1. *Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình ...*”. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh N xảy ra từ tháng 11 năm 2025 kéo dài

đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, trong thời gian này anh chị không tự hòa giải để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, vẫn sống ly thân, tại phiên tòa chị L xác định tình cảm không còn và cương quyết xin ly hôn, không chung sống với anh N. Anh N trình bày xin hàn gắn đoàn tụ nhưng anh N không chủ động tiếp xúc, gặp gỡ chị L để trao đổi đưa ra hướng hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc. Ngày 22/5/2026 Tòa án mở phiên họp lần thứ 2 để hòa giải đoàn tụ vợ chồng, kết quả phiên hòa giải không tiến hành được, lý do anh N vắng mặt không lý do. Hôm nay ngày 12/8/2026 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh Lê Văn N tiếp tục vắng mặt, kể như anh N đã từ bỏ quyền nghĩa vụ của mình, không tham gia tranh tụng tại phiên tòa, không đưa ra hướng đoàn tụ để Hội đồng xét xử xem xét quyết định. Mặt khác chị L và anh N sống ly thân từ tháng 11 năm 2025 tính đến nay hơn 10 tháng, trong khoảng thời gian này mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục phát sinh, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh N là đúng quy định của pháp luật.

- *Về quyền nuôi con:* Anh N và chị L có 02 con chung tên Lê Quốc C, sinh ngày 04/3/2012 và Lê Thị Ngọc N1, sinh ngày 31/3/2019. Tại phiên họp hòa giải ngày 05/5/2026 anh N giao 02 con cho chị L nuôi dưỡng khi ly hôn, chị L đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, cả 02 con đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ, xét thấy trong thời gian vợ chồng sống ly thân hơn 10 tháng qua, chị L vẫn nuôi dưỡng chăm sóc các con chu đáo về mọi mặt, để đảm bảo các con có cuộc sống ổn định nhằm phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 người con cho chị L được quyền nuôi khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung của vợ chồng, số nợ phải thu, số nợ phải trả:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân: Buộc chị Lê Thị L1 có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57; 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị L.

- *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lê Văn N.

- *Về quyền nuôi con khi ly hôn:*

+ Chị Lê Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con tên Lê Quốc C, sinh ngày 04/3/2012 và Lê Thị Ngọc N1, sinh ngày 31/3/2019, khi ly hôn.

+ Anh Lê Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Lê Thị L nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006348, ngày 08/4/2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Chị Lê Thị L đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

Chị Lê Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh VL;
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long;
- UBND xã Càng Long, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm